

# **THUYẾT MINH**

## **QUYẾT TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**

*(Kèm theo Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND huyện)*

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Ninh Sơn về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Ninh Sơn về phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của HĐND huyện Ninh Sơn về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của HĐND huyện Ninh Sơn về việc phê chuẩn phương án sử dụng nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Trên cơ sở số liệu thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 của huyện đã đối chiếu khớp đúng với Kho bạc Nhà nước Ninh Sơn, Ủy ban nhân dân huyện thuyết minh về báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022, như sau:

### **I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022:**

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022: 91.063.128.889 đồng (Chín mươi một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi tám ngàn tám trăm tám mươi tám đồng), trong đó:

1. Thu nội địa: 91.063.128.889 đồng

Trong đó:

- Thu Ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 87.891.134.067 đồng.
- + Thu cân đối chi (thu nội địa không bao gồm thu tiền sử dụng đất và Các khoản thu ghi thu, ghi chi ngân sách): 59.986.451.544 đồng
- + Thu tiền sử dụng đất: 27.796.843.851 đồng
- + Các khoản thu ghi thu, ghi chi ngân sách (tiền thuê đất): 107.838.672 đồng
- Thu điều tiết ngân sách cấp trên: 3.171.994.822 đồng (trong đó: Điều tiết ngân sách Trung ương hưởng: 3.021.309.797 đồng; Điều tiết ngân sách tỉnh hưởng: 150.685.025 đồng).

**II. Thu ngân sách địa phương:** 419.005.155.479 đồng (không kể thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách), trong đó: tổng thu ngân sách địa phương: 478.755.859.529 đồng; thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách-bổ sung ngân sách huyện cho ngân sách xã, thị trấn: 59.750.704.050 đồng, chi tiết theo từng cấp ngân sách:

- Tổng thu ngân sách cấp huyện: 391.279.643.017 đồng
- Tổng thu ngân sách cấp xã: 27.725.512.462 đồng

Chi tiết các khoản thu:

1. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 87.891.134.067 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 78.212.976.576 đồng; Ngân sách cấp xã: 9.678.157.491 đồng), cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: 6.520.205.632 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 6.520.205.632 đồng; Ngân sách cấp xã: 0 đồng).

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 49.123.750 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 35.182.750 đồng; Ngân sách cấp xã: 13.941.000 đồng).

- Thu từ khu vực CTN - ngoài quốc doanh: 11.435.060.192 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 8.088.144.370 đồng; Ngân sách cấp xã: 3.346.915.822 đồng).

- Lệ phí trước bạ: 19.303.659.459 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 19.303.659.459 đồng; Ngân sách cấp xã: 0 đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 152.689.529 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 0 đồng; Ngân sách cấp xã: 152.689.529 đồng).

- Thuế thu nhập cá nhân: 16.673.886.363 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 12.245.784.506 đồng; Ngân sách cấp xã: 4.428.101.857 đồng).

- Thu phí, lệ phí: 1.411.219.274 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 335.086.441 đồng; Ngân sách cấp xã: 1.076.132.833 đồng).

- Thu tiền sử dụng đất: 27.796.843.851 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 27.796.843.851 đồng; Ngân sách cấp xã: 0 đồng).

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 2.158.135.416 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 2.158.135.416 đồng; Ngân sách cấp xã: 0 đồng).

- Thu khác ngân sách: 2.175.752.801 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 1.729.934.151 đồng; Ngân sách cấp xã: 445.818.650 đồng).

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 214.557.800 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 0 đồng; Ngân sách cấp xã: 214.557.800 đồng).

2. Thu bổ sung từ ngân cấp trên: 292.389.652.514 đồng

3. Thu kết dư ngân sách năm trước: 8.611.771.999 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 6.951.633.306 đồng; Ngân sách cấp xã: 1.660.138.693 đồng).

4. Thu chuyển nguồn năm trước sang: 29.953.096.899 đồng (trong đó: Ngân sách cấp huyện: 13.565.880.621 đồng; Ngân sách cấp xã: 16.387.216.278 đồng).

5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 159.500.000 đồng

### **III. Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2022:**

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 (đã loại trừ phần chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách): **407.827.249.222 đồng** (Bốn trăm lẻ bảy tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm hai mươi hai đồng), trong đó:

- Chi ngân sách cấp huyện (không bao gồm chi bổ sung cho ngân sách cấp xã): 323.245.491.261 đồng;

- Chi ngân sách cấp xã: 84.581.757.961 đồng,

Chi tiết các nội dung chi:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 328.538.659.208 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 283.574.990.822 đồng; Ngân sách cấp xã: 44.963.668.386 đồng).

a) Chi đầu tư phát triển: 49.324.501.936 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 43.767.441.187 đồng; Ngân sách cấp xã: 5.557.060.749 đồng).

- Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 22.440.272.016 đồng (trong đó: nguồn thu sử dụng đất của huyện năm 2022: 18.807.323.016 đồng; nguồn thu sử dụng đất của tỉnh bổ sung: 3.632.949.000 đồng)

- Chi đầu tư từ nguồn vốn cân đối địa phương: 21.198.948.343 đồng

- Chi đầu tư từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 2.901.715.000 đồng

- Chi từ nguồn kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2021 sang và các khoản ghi chi tiền đền bù: 2.783.566.577 đồng

b) Chi thường xuyên: 279.214.157.272 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 239.807.549.635 đồng; Ngân sách cấp xã: 39.406.607.637 đồng)

- Chi quốc phòng: 6.839.318.077 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 4.396.128.300 đồng; Ngân sách cấp xã: 2.443.189.777 đồng)

- Chi an ninh: 1.698.008.972 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 769.907.000 đồng; Ngân sách cấp xã: 928.101.972 đồng)

- Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề: 168.869.138.383 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 168.869.138.383 đồng; Ngân sách cấp xã: 0 đồng)

- Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 2.151.060.895 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 2.151.060.895 đồng; Ngân sách cấp xã: 0 đồng)

- Sự nghiệp VH thông tin: 1.430.600.247 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 845.696.125 đồng; Ngân sách cấp xã: 584.904.122 đồng)

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 508.506.225 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 456.547.700 đồng; Ngân sách cấp xã: 51.958.525 đồng)

- Chi thể dục thể thao: 735.238.800 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 513.160.920 đồng; Ngân sách cấp xã: 222.077.880 đồng)

- Sự nghiệp môi trường: 5.250.000.000 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 5.250.000.000 đồng; Ngân sách cấp xã: 0 đồng)

- Chi sự nghiệp kinh tế: 10.130.422.455 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 5.884.280.455 đồng; Ngân sách cấp xã: 4.246.142.000 đồng)

- Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: 55.683.072.678 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 25.447.393.357 đồng; Ngân sách cấp xã: 30.235.679.321 đồng)

- Chi đảm bảo xã hội: 24.892.913.940 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 24.238.787.500 đồng; Ngân sách cấp xã: 654.126.440 đồng)

- Chi khác ngân sách: 1.025.876.600 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 985.449.000 đồng; Ngân sách cấp xã: 40.427.600 đồng)

2. Chi chuyển nguồn sang năm 2023 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: 78.678.805.913 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 39.220.216.338 đồng; Ngân sách cấp xã: 39.458.589.575 đồng).

3. Chi nộp ngân sách cấp trên: 609.784.101 đồng (Trong đó: ngân sách cấp huyện: 450.284.101 đồng; Ngân sách cấp xã: 159.500.000 đồng).

#### **IV. Kết dư ngân sách địa phương năm 2022: 11.177.906.257 đồng, trong đó:**

- Kết dư ngân sách cấp huyện là 8.283.447.706 đồng

- Kết dư ngân sách cấp xã là: 2.894.458.551 đồng.

#### **V. Xử lý kết dư ngân sách:**

1. Phần kết dư ngân sách xã, thị trấn: 2.894.458.551 đồng được chuyển vào thu ngân sách năm sau và Ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn trình HĐND cấp xã, thị trấn quyết định phân bổ theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Phần kết dư ngân sách cấp huyện: 8.283.447.706 đồng, được xử lý như sau:

2.1. Đối với nguồn Kết dư nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022: 243.883.000 đồng: Phân bổ bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 để thực hiện thanh toán công trình hoàn thành đã có phê duyệt quyết toán (Thanh toán công trình Trường mẫu giáo Hoa Mai 10 phòng).

2.2. Đối với nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 61.602.490 đồng. Theo dõi, hoàn trả ngân sách tỉnh theo quy định.

2.3. Nguồn kết dư ngân sách cấp huyện còn lại: 7.977.962.216 đồng

a. Trích 70% để thực hiện chính sách cải cách tiền giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Bộ Tài chính: 5.584.631.651 đồng (7.977.962.216 đồng x 70%).

b. Trích 30% thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính: 2.393.330.565 đồng.

- Bổ sung Ủy thác nguồn vốn địa phương qua Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác năm 2023: 1.000.000.000 đồng để hoàn trả lại các nguồn đã ứng trước để

giao dự toán qua Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện và thực hiện phân bổ nhiệm vụ theo quy định (chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

- Bổ sung chi quốc phòng năm 2023 (Giao bổ sung dự toán cho Ban chỉ huy Quân sự huyện để chi trả phụ cấp chức vụ cho dân quân tự vệ năm 2023): 434.126.400 đồng.

- Bổ sung Kinh phí thăm tặng quà cho người cao tuổi năm 2023 (Giao bổ sung dự toán cho các xã, thị trấn thực hiện): 158.713.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng theo quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 04/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Giao bổ sung cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện): 360.967.500 đồng

- Kinh phí trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho Đội dân phòng theo quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 04/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Giao bổ sung cho Công an huyện thực hiện): 154.950.000 đồng

- Kinh phí sửa chữa nhà làm việc khối Đoàn thể huyện: 170.000.000 đồng

- Kinh phí thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phụ vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2023 (Đề án 06/CP): 114.573.665 đồng

Trên đây là công khai thuyết minh quyết toán thu – chi ngân sách địa phương năm 2022 đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua./.